

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN                      Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 203/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân*

1. Bà Lương Thị Kim Anh

2. Ông Trần Phi Long

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:* Ông Trương Vui - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18/3/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2021 giữa:

*1/Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị M – Sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn PLT, xã ĐTN, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.

*2/Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V – Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PLT, xã ĐTN, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:* Bà Đỗ Thị M và ông Nguyễn Văn V kết hôn vào ngày 12/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường KT, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn, vào năm 2019 ông V đã quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác rồi về nhà kiểm

chuyện gây gổ, đánh đập bà M nhiều lần. Vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên bà M yêu cầu ly hôn ông V.

Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Thị Bích N – Sinh ngày 19/02/2004 và Nguyễn Hoàng Phi L – Sinh ngày 01/12/2007. Con chung sống cùng bà M từ nhỏ đến nay, bà M yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000đ.

Tài sản chung gồm: Một ngôi nhà xây cấp 4; 01 xe hon đa hiệu LEAD biển số 43G1-335.91 và 01 xe hon đa hiệu WEVERSX biển số 43G1-078.75 bà M không yêu cầu Tòa giải quyết và rút yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông V từ chối làm việc với Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai của ông V trong hồ sơ vụ án.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà M được ly hôn ông V, giao 2 con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, ông V được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông V, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông V hiện nay đang cư trú tại xã ĐTN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông V kết hôn vào ngày 12/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường KT, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M khai là do ông V không lo làm ăn, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và nhiều lần đánh đập bà M. Vợ chồng không còn tình cảm nên bà M yêu cầu ly hôn ông V. Quá trình giải quyết vụ án ông V cố tình vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai và yêu cầu của ông V đối với việc ly hôn của bà M, không tiến hành được phiên hòa giải để động viên vợ, chồng về đoàn tụ chung sống. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà M không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà M có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông V phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Hoàng Phi L. Bà M yêu cầu được nuôi 2 con chung. Xét yêu cầu của bà M thấy rằng: Bà M hiện nay có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, các con sống cùng bà M từ nhỏ đến nay, được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt, cháu N và L có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Đối với ông V không đến Tòa án để trình bày ý kiến và nêu yêu cầu của mình, điều đó chứng tỏ ông V không có yêu cầu đối với vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống của con và đáp ứng nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên được sống cùng mẹ sau khi ly hôn, HĐXX cần phải giao 2 con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn, ông V được quyền thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà M yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà M thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Bà M yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật và mức cấp dưỡng bà M yêu cầu 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp. Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên, HĐXX

buộc ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 bà M yêu cầu chia tài sản chung gồm: Một ngôi nhà xây cấp 4; 01 xe hon đa hiệu LEAD biển số 43G1-335.91 và 01 xe hon đa hiệu WEVERSX biển số 43G1-078.75, đến ngày 23/4/2021 bà M có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản chung. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà M là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà M. Sau khi ly hôn nếu các đương sự có yêu cầu chia tài sản và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án riêng.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và Lệ phí, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và ông V phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M đối với ông Nguyễn Văn V về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị M được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2/ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung

Giao con Nguyễn Thị Bích N – Sinh ngày 19/02/2004 và Nguyễn Hoàng Phi L – Sinh ngày 01/12/2007 cho bà Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng (*Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Hoàng Phi L hiện nay đang chung sống cùng bà Đỗ Thị M*).

Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hoàng Phi L được thực hiện định kỳ hằng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi Nguyễn Hoàng Phi L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Đỗ Thị M.

4/ Về án phí: Bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002970 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Đỗ Thị M được hoàn trả số tiền chênh lệch án phí là: 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND phường KT  
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thị Nhung**